TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/ HNGĐ- ST
Ngày 29/8/2019
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa
Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Hữu
Bà Nguyễn Thị Thu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thư ký của Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 26/2019/TBMLPT ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lã Thị T - Sinh năm 1986
Trú tại: Thôn 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.
2. *Bị đơn*: Anh Vũ Minh T1 - Sinh năm 1980
Trú tại: Thôn 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lã Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/3/2008 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới, vợ chồng chị ở cùng gia đình anh T1 đến năm 2009 thì vào tỉnh ĐN thuê nhà trọ ở và làm thuê. Trong suốt quá trình chung sống, anh T1 thường cờ bạc, cầm cố tài sản, không có trách nhiệm lo cho vợ con. Chị khuyên ngăn, anh T1 không nghe, còn đánh chị. Nhiều lần do mâu thuẫn căng thẳng, chị đã thuê nhà ra ở riêng, có lần gần nửa năm. Chị đã bỏ qua cho anh T1 nhiều lần, nhưng anh T1 không chịu sửa đổi. Từ cuối năm 2018 (âm lịch) anh T1 bỏ về quê, còn chị vẫn ở ĐN, vợ chồng đã hoàn toàn ly thân. Tháng 5/2019 chị cũng thu xếp về P để tiến hành thủ tục ly

hôn, nhưng chị ở nhà mẹ đẻ chị, anh T1 ở nhà bố đẻ anh T1 chứ không sống cùng nhau. Chị đề cập tới việc ly hôn thì anh T1 bảo tùy chị, và tuyên bố không bao giờ đến Tòa. Chị xác định vợ chồng không tiếp tục chung sống được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Chị T trình bày: Chị và anh T1 có 02 con chung là Vũ Minh T2- sinh ngày 19/5/2011 và Vũ Hải Đ1 sinh ngày 27/3/2018; cháu T2 đang ở với anh T1, cháu Đ1 đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Đ1, để anh T1 nuôi cháu T2; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Vũ Minh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T1 và cũng không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã gặp bố đẻ anh T1 là ông Vũ Văn T3, trú tại thôn 1, xã P, được ông T3 cho biết: Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chỉ ở cùng ông 01 tháng, sau đó vào ĐN làm ăn. Do hai người không ở chung với ông nên xảy ra mâu thuẫn như thế nào ông không biết, ông chỉ biết những lần vợ chồng có mặt ở quê hay xảy ra cãi nhau, mỗi người ở một nơi, anh T1 ở nhà ông còn chị T ở nhà mẹ đẻ chị T; chị T không có trách nhiệm gì với gia đình ông. Từ tháng 01/2019 anh T1 về ở cùng ông, sau đó chị T cũng về quê nhưng ở nhà mẹ đẻ, không sống cùng anh T1, thỉnh thoảng chỉ đến thăm con.

Khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị T, gửi các giấy triệu tập và văn bản tố tụng cho anh T1, do hàng ngày anh T1 đi làm không ở nhà nên ông nhận thay và thông báo ngay cho anh T1 biết. Anh T1 nói với ông là tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa, trước sau cũng bỏ nhưng muốn để cháu Đ1 lớn thêm chút nữa mới ly hôn; nếu chị T cương quyết, đề nghị Tòa án cứ giải quyết, Tòa có báo bao nhiêu lần anh cũng không đến. Quan điểm của ông T3 là vợ chồng anh T1, chị T không còn tình cảm và không có trách nhiệm gì với nhau nữa, tốt nhất nên giải phóng cho nhau, đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn càng sớm càng tốt. Anh chị không có tài sản, vay nợ chung. Vợ chồng có 02 con chung nên sau khi ly hôn mỗi người nuôi 01 con là hợp lý.

* Xác minh tại địa phương nơi anh T1 và chị T đăng ký hộ khẩu thường trú, trưởng khu dân cư và đại diện chính quyền xã P cung cấp: Chị T và anh T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã P năm 2008. Thực tế, sau khi kết hôn anh chị vào Nam làm ăn, thỉnh thoảng về thăm nhà, nên mâu thuẫn giữa 2 bên như thế nào địa phương không nắm được. Hiện nay anh T1 đang ở cùng bố đẻ tại xã P, ngày anh T1 đi làm thuê, tối mới về. Các văn bản, giấy tờ của Tòa án gửi anh T1, ông T3 là bố đẻ anh T1 đều nhận thay, cam kết thông báo cho anh T1. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, địa phương đề nghị Tòa án xem xét ý kiến chị T trình bày, tham khảo ý kiến gia đình anh T1 để giải quyết theo pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội

đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biêur ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lã Thị T và anh Vũ Minh T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hải Đ1 sinh ngày 27/3/2018; giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Minh T2- sinh ngày 19/5/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lã Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị T và anh Vũ Minh T1 kết hôn với nhau ngày 17/3/2008, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, có đăng ký kêt hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai người cùng nhau vào miền Nam làm ăn, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2019 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau. Khi Tòa án thông báo phiên hòa giải, anh T1 biết nhưng cố tình không đến, chứng tỏ không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Vũ Minh T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T1 không lần nào có mặt để làm việc. Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T1.

[3] Về con chung: Anh T1 và chị T có 2 con chung, hiện nay cháu T2 ở với bố, cháu Đ1 ở với mẹ. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Đ1, để anh T1 nuôi cháu T2 là hợp lý, phù hợp nguyện vọng của cháu T2 là con trên 7 tuổi, cần chấp nhận. Do mỗi người nuôi 01 con, nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Do chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Nếu sau này anh T1 có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lã Thị T và anh Vũ Minh T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Lã Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hải Đ1- sinh ngày 27/3/2018; giao cho anh Vũ Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Minh T2- sinh ngày 19/5/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Do nguyên đơn trình bày không có, nên không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lã Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2017/0003223, ngày 27/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa

Nơi nhận:
thẨm
- VKSND huyện, tỉnh;
phiên tòa
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘi ĐỒng xÉt xỬ sƠ

Thẩm phán - Chủ tọa

.